TUẦN 18 Tiếng Việt (tăng)

**Ôn tập về từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về từ chỉ sự vật, hoạt động và từ chỉ đặc điểm

2. Năng lực chung.

- Chủ động học tập, tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: BP (BT 1,2,3)

- HS: PHT (BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Tạo không khí phấn khởi, vui vẻ cho HS  - GV cho HS chơi trò chơi: “Phản xạ nhanh”  -Thế nào là từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm?  - Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, trạng thái, 1 từ chỉ đặc điểm của sự vật ?  =>Chốt: Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng,  khái niệm,…  Từ chỉ hoạt động: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài  vật, sự vật.  Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị,  kích thước,…) vật*.* 2. Luyện tập.  Bài 1: **(**BP). Tìm các từ chỉ sự vật, hoạt động và từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:  Hùng Vương thứ 18 có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng.  (Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)  - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm từ  - GV nhận xét…  *=>*Chốt khái niệm về từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm…  Bài 2: (BP). Xếp các từ sau thành 3 nhóm từ: Từ chỉ sự vật; từ chỉ hoạt động; từ chỉ đặc điểm:  mùa thu, vui tươi, vui chơi, lan man, quạt điện, yêu thương, xinh tươi, đáng yêu, tình yêu, cánh diều, thương yêu, dễ thương  - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 3 tìm từ  - GV nhận xét.  *=>*Chốt: Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,…  Từ chỉ hoạt động: là những từ chỉ sự vận động, cử động hay trạng thái của người, loài vật, sự vật.  Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,…) của sự vật.  Bài 3: (BP) Nêu các từ chỉ đặc điểm hình dáng, tính nết, màu sắc của người và vật.  A, Hình dáng: to, ngắn, thanh thanh,..  B, Tính nết: tốt, xấu, chăm chỉ,…  C, Màu sắc: trắng, đen sì,…  +Ngoài các từ trên, hãy tìm thêm các từ chỉ đặc điểm thích hợp  GV nhận xét  Chốt: từ chỉ đặc điểm là từ chỉ về tính tình, màu sắc, hình dáng…của người và vật  **3. Vận dụng:**  Bài 4: Em hãy tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, 1 từ chỉ đặc điểm của sự vật ? Nói câu với từ tìm được.  - Nhận xét tiết học. | **-** HS nghe GV phổ biến luật chơi  và chơi  - HS nêu nối tiếp:  - Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người,  đồ vật, cây cối, hiện tượng, khái niệm,… - Từ chỉ hoạt động: là những từ chỉ  sự vận động, cử động hay trạng thái  của người, loài vật, sự vật Từ chỉ đặc điểm là những từ miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,…) của sự vật.  - HS thi đua nêu  - HS đọc yêu cầu bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm từ  + Từ chỉ sự vật: Hùng Vương, người, con gái, tên, Mị Nương, hoa, tính nết, vua cha, nàng, con, người chồng  + Từ chỉ hoạt động: có, yêu thương, muốn, kén, cho  + Từ chỉ đặc điểm: đẹp, hiền dịu, hết mực, xứng đáng  - HS đọc yêu cầu bài.  -Yêu cầu HS làm việc nhóm 3 tìm từ  - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.  + Từ chỉ sự vật: Mùa thu, quạt điện, tình yêu, cánh diều  + Từ chỉ hoạt động: Vui chơi, yêu thương, thương yêu  + Từ chỉ đặc điểm: vui tươi, lan man, xinh tươi, đáng yêu, dễ thương  - HS đọc, xác định yêu cầu  - HS làm bài cá nhân vào vở  - 1 HS làm bảng phụ.  +HS thi đua tìm  - HS làm theo nhóm cặp.  - Vài HS nêu miệng trước lớp. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (Tăng)

**Luyện tập về so sánh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về biện pháp so sánh, các kiểu so sánh, tác dụng của việc sử dụng biện pháp so sánh

- Vận dụng các kiểu so sánh đã học để xác định được các hình ảnh so sánh. Biết đặt câu có hình ảnh so sánh, sử dụng câu so sánh khi viết văn

2. Năng lực chung.

- Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

3. Phẩm chất.

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: BP (BT 1,2,3)

- HS: PHT (BT2)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Tạo không khí sôi động, hào hứng cho HS  - Cho lớp chơi trò chơi “ Bắn tên” trả lời các câu hỏi liên quan so sánh  Luật chơi:  HS quản hô: “Bắn tên bắn tên” và cả lớp sẽ đáp lại: “tên gì, tên gì”  Chẳng hạn:  - Có mấy kiểu so sánh?  - Khi nào ta so sánh 2 sự vật với nhau ?  - Nêu các từ so sánh thường được dùng.  - Muốn nhận biết hai kiểu so sánh này ta cần dựa vào đâu?  - Đặt một câu có dùng cách so sánh âm thanh với âm thanh.  - Nhận xét, tuyên dương.  *Chốt : Khi 2 sự vật có điểm giống nhau thì ta so sánh chúng với nhau. So sánh giúp cho sự vật sinh động hơn; câu văn, đoạn văn hay hơn*  - GV nhận xét, khen ngợi HS có câu hỏi hay, câu trả lời chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu giới thiệu bài  **2. Luyện tập**  Bài 1: (BP) Gạch chân dưới các sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ sau:  a. Tấc đất quý như tấc vàng.  b. Công cha như núi Thái Sơn,  Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  c. Thần Chết chạy nhanh hơn gió.  d. Ông ấy khoẻ hơn voi.  - Yêu cầu HS đọc đề và tự làm bài  - Chốt về các hình ảnh so sánh  Bài 2: (BP) Điền vầo chỗ trống để hoàn thành các câu có hình ảnh so sánh:  a. Làn da của cô ấy trắng như….  b. Cô ấy có nụ cười tươi như….  c. …. hơn đèn  d. Tình yêu của cha mẹ dành cho em lớn hơn….  e. Bà em hiền như....  g. Giờ ra chơi, sân trường ồn ào như ...  h. Những nhánh liễu buông rủ mềm mại như ...  i. Trưa hè, mặt hồ sáng lóa như...  - GV nhận xét, chốt cách điền đúng.  - Chốt : Khi viết tiếp câu có hình ảnh so sánh cần chú ý lựa chọn sự vật phù hợp có điểm gì đó giống với sự vật đã cho...  **3. Vận dụng**  Bài 3: (BP)Viết một đoạn văn ngắn kể về một người mà em yêu quý trong đó có sử dụng các hình ảnh so sánh  - Yêu cầu HS đọc đề và làm bài  -GV gợi ý một số câu hỏi  -Người em yêu quý là ai?  -Người đó có đặc điểm gì nổi bật?  - Vóc dáng của người đó ra sao?  -Tính cách người đó thế nào?  - Nhận xét, bổ sung  - Chốt cách sử dụng hình ảnh so sánh khi viết văn  \* Củng cố, dặn dò  - Gọi HS đặt câu có hình ảnh so ánh  - Nhận xét tiết học  - Dặn HS về nhà xem lại bài tập | - HS nghe phổ biến luật chơi. (Bắn tên)  - HS tham gia chơi.  HS hỏi – HS khác trả lời  - Hai kiểu so sánh: so sánh ngang bằng và so sánh hơn kém.  - Khi 2 sự vật có đặc điểm gì đó giống nhau.( Có nét tương đồng)  - HS nêu: như, là, tựa, tự như, giống như, hệt như,...  - Dựa vào từ so sánh  HS đặt được nhiều câu văn  - HS đọc đề và làm bài vào PHT (theo nhóm đôi)  \*HS nêu được câu đó thuộc kiểu so sánh nào  Đáp án:  a. Tấc đất quý như tấc vàng.  b. Công cha như núi Thái Sơn,  Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  c. Thần Chết chạy nhanh hơn gió.  d. Ông ấy khoẻ hơn voi.  - HS đọc yêu cầu của bài và tự làm bài vào vở  \*HS điền được nhiều đáp án  Đáp án:  a. Làn da của cô ấy trắng như tuyết.  b. Cô ấy có nụ cười tươi như hoa.  c. Ánh trăng sáng hơn đèn.  d. Tình yêu của cha mẹ dành cho em lớn hơn trời biển.  e. ...như một bà tiên.  g. ... như ong vỡ tổ.  h. ... như mái tóc của các cô thiếu nữ.  i. ... như một tấm gương lớn.  \*HS viết được theo nhiều cách khác nhau.  - HS đọc yêu cầu của bài và tự làm bài  \*HS viết đoạn văn hay, sử dụng hình ảnh so sánh sinh động  Ví dụ: *Em yêu quý nhất là bà Nhì, người hàng xóm của em. Bà có mái tóc trắng như mây, hàm răng đen láy như hạt na. Bà rất quý em, có cái gì bà cũng phần em. Những khi rảnh rỗi, em thường sang giúp bà dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm. Em rất yêu quý bà.*  - HS đặt câu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………..

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập câu Ai thế nào?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về kiểu câu Ai thế nào?

- Vận dụng tìm câu văn theo mẫu: Ai thế nào? Biết xác định bộ phận trả lời cho câu hỏi Ai (cái gì, con gì)? Bộ phận trả lời cho câu hỏi: Thế nào?

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng. Viết đoạn văn trong đó có sử dụng câu văn theo mẫu: Ai thế nào?

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: BP (BT 1,2,3)

- HS: PHT (BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. **Khởi động**

GV tạo không khí vui vẻ, phấn khởi

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Chuyền hoa”

|  |  |
| --- | --- |
| - Tổ chức cho HS thảo luận về các bộ phận trong câu kiểu Ai thế nào?  + Bộ phận trả lời cho câu hỏi Ai? Con gì? Cái gì? thường là những từ chỉ gì?  + Bộ phận trả lời câu hỏi Thế nào? thường là từ chỉ gì?  *Chốt: Câu Ai thế nào có 2 bộ phận, bộ phận trả lời câu hỏi Ai?là từ chỉ sự vật, bộ phận trả lời câu hỏi Thế nào? là từ chỉ đặc điểm.*  **2. Luyện tập - Thực hành**:  **Bài 1:** Khoanh vào chữ cái trước mẫu câu Ai thế nào? (Bảng phụ)  a) Ông em là người rất hiền.  b) Ông em rất hiền.  c) Bạn Lan đang quét lớp.  d) Bạn Lan rất chăm chỉ học tập.  e) Ngoài vườn, những chiếc lá rụng lả tả.  **Đáp án:**  b, d, e.  + Câu kiểu Ai thế nào dùng để làm gì ?  Chốt: *Câu Ai thế nào ? là câu dùng để miêu tả đặc điểm hoặc diễn tả trạng thái của sự vật*.  **Bài 2:** Bảng phụ:  Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời ai, cái gì, con gì? 2 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi thế nào?  a) Hai chân chích bông xinh xinh như hai chiếc tăm.  b) Cặp cánh chích bông nhỏ xíu.  c) Cặp mỏ chích bông bé tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chắp lại.  d) Trời mỗi lúc một tối sầm lại.  - Cho HS nêu yêu cầu  + Để tìm bộ phận thứ nhất em dùng câu hỏi nào?  + Để tìm bộ phận thứ hai em dùng câu hỏi nào?  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm.  **Đáp án:**   1. Hai chân chích bông xinh xinh như hai chiếc tăm.   b) Cặp cánh chích bông nhỏ xíu.  c) Cặp mỏ chích bông bé tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chắp lại.  d) Trời mỗi lúc một tối sầm lại.  *Chốt: Trả lời câu hỏi Ai(cái gì, con gì) ? là những từ ngữ chỉ sự vật; TLCH thế nào ? là những từ ngữ chỉ đặc điểm, trạng thái.*  **Bài 3:** Bảng phụ:  Tìm từ điền vào chỗ chấm để hoàn chỉnh câu theo mẫu Ai thế nào?  a. Những làn gió từ sông thổi vào....  b.Mặt trời lúc hoàng hôn...  c.Ánh trăng đêm Trung thu......  + Những từ em điền là từ chỉ gì?  *- Chốt: từ cần thêm để hoàn chỉnh câu theo mẫu Ai thế nào?là những từ chỉ đặc điểm.*  **3. Vận dụng**  **Bài 4.** Đặt câu theo mẫu Ai thế nào? Theo yêu cầu sau:  a.Về bạn của em.  b.Về cô giáo em  *Chốt: Cách đặt câu theo mẫu Ai thế nào? theo yêu cầu và viết đúng theo cấu trúc ngữ pháp.* | - HS nghe GV phổ biến luật chơi và thực hiện  - HS thảo luận nhóm cặp, sau đó nêu trước lớp.  + ... từ chỉ người, con vật, cây cối, đồ vật.  + ...từ chỉ đặc điểm.  - HS đặt câu kiểu Ai thế nào?  - HS đọc, nêu yêu cầu. - HS thảo luận nhóm cặp, nêu trước lớp.  -HS giải thích vì sao những câu còn lại không phải là câu Ai thế nào?  (Câu a thuộc mẫu câu Ai là gì? Câu c thuộc mẫu câu Ai làm gì?  - HS nêu.  - HS đọc, nêu yêu cầu  +...Ai (cái gì,con gì)?  + ....thế nào?  - HS thảo luận nhóm cặp, sau đó làm phiếu cá nhân.  - 1HS làm bảng phụ.  -HS nêu từ nào thường trả lời cho câu hỏi Ai (cái gì,con gì)? thế nào?  - HS đọc yêu cầu rồi làm cá nhân.  - HS đọc câu văn đã điền từ.  - HS có nhiều cách điền từ khác nhau.  VD: câu a: mát rượi (mát dịu, mát lành,...)  Câu b: đỏ rực như khối cầu lửa khổng lồ.  câu c: sáng vằng vặc  -HS nêu.  - HS trả lời miệng  -HS đặt được câu văn sinh động.  VD: Bạn Hà vừa học giỏi, vừa ngoan ngoãn.  + Cô giáo em hiền như cô Tấm.  ..... |

- Từ chỉ đặc điểm dùng cho mẫu câu nào?

- Câu theo mẫu Ai thế nào? Gồm mấy bộ phận?

- GV nhận xét tiết học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………..

Tiếng việt (tăng)

**Ôn tập: Câu khiến, câu cảm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách nhận diện được câu khiến, câu cảm; biết đặt và sử dụng câu khiến, câu cảm.Viết được đoạn văn ngắn có sử dụng câu câu cảm, câu khiến.

- Nhận biết được tác dụng của câu khiến, câu cảm.

- Phát triển năng lực văn học nhận xét về thái độ, tình cảm của người viết qua các câu văn.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS tình yêu TV, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV qua dùng từ, đặt câu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ (BT 2,3), PHT ( bài 1), tranh minh họa (bài 2)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  **-** GV tổ chức cho HS tham gia Trò chơi “Chuyền bóng”để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh. Quả bóng được tung lên trong không gian lớp, bạn nào bắt được sẽ thực hiện yêu cầu của GV:  - Câu khiến dùng để làm gì?  - Cuối câu khiến thường có dấu gì?  - Câu cảm là câu dùng để làm gì?  - Khi viết cuối câu cảm thường có dấu gì?  - Trong câu cảm thường có những từ ngữ nào?  - Em hãy đặt câu cảm để thể hiện cảm xúc về tiết học hôm nay.  .......................................  Trò chơi cứ thế tiếp diễn cho đến khi có tín hiệu dừng lại của GV.  - Nhận xét, tuyên dương  *Chốt:*  *+ Câu khiến (câu cầu khiến) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ... của người nói, người viết với người khác. Khi viết cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm*  *+Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên... của người nói. Trong câu cảm thường có các từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật... khi viết cuối câu cảm thường có dấu chấm than.*  - GV giới thiệu bài  **2. Luyện tập** | - HS nghe GV phổ biến luật chơi và tham gia chơi  - HS ghi tên bài |
| **Bài 1:** Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng  a. **Câu “Chiếc thuyền xinh quá!” thuộc kiểu câu nào?**  A, Câu khiến B, Câu cảm  C, Câu hỏi  b. **Câu “Mẹ mời sứ giả vào đây cho con !” thuộc kiểu câu nào?**  A, Câu khiến B, Câu cảm  C, Câu hỏi |  |
| - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài vào PHT  - YC HS trình bày kết quả  - GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án đúng*:*  *a. B. Câu cảm*  *b. A.Câu khiến.*  \*Củng cố cách nhận biết câu cảm, câu khiến. | - Chọn đáp án đúng  - HS làm bài vào PHT  - HS trình bày kết quả trước lớp  \*HS giải thích lí đo chọn đáp án đó |
| **Bài 2:** (BP)Tìm câu khiến trong đoạn văn khiến trong đoạn trích sau:  *Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên mặt nước và nói:*  *- Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương!*  - YC HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ và nêu xuất xứ đoạn văn.  - Bài yêu cầu gì ?  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Gọi HS nhận xét bài trên bảng.  - GV nhận xét, chốt lời giải đúng.  *\*Củng cố cách nhận biết câu khiến.* | - HS đọc bài  - HS quan sát tranh và nghe  - HS nêu yêu cầu.  - HĐ cá nhân: Làm bài. 1HS lên  bảng làm bài.  - HS nhận xét  *Đáp án*  *Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương!* |
| **Bài 3**: (BP) Đặt câu cảm cho các tình huống sau:  a. Thán phục một ca sĩ rất hát rất hay.  b. Vui mừng vì bố đi công tác về.  c. Ngạc nhięn vě gặp lại một người bạn cũ.  - Nêu yêu cầu của bài  - YC HS tự làm.  - Gọi HS nêu câu của mình.  *\**Chốt: Cách đặt câu cảm theo tình huống cho trước.  **3. Vận dụng**  **Bài 4**: Viết đoạn văn ngắn (2 đến 3 câu) về một con vật mà em thích trong đó có sử dụng câu cảm.  - Nêu yêu cầu bài  + Gợi ý:  - Con vật em định tả là con vật gì?  - Con vật đó có đặc điểm gì ?  - Tình cảm của em đối với con vật đó như thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Gọi HS đọc bài của mình.  - H/d nhận xét và góp ý cho HS.  *+ Chốt: Khi viết văn các em hãy sử dụng một số kiểu câu vào trong bài giúp bài văn sẽ hay hơn và có cảm xúc hơn. Lưu ý cách trình bày một đoạn văn.*  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu yêu cầu  - HS làm trong vở.  - 1 số em đọc câu mình đặt.  VD: a. + Cô ấy hát mới tuyệt vời làm sao!  + Trời, cô ấy hát thật tuyệt vời!  + Ôi chao, cô hát hay quá!  b. + A! Bố về!  + Ôi, bố về rồi, con nhớ bố quá!  c. Khác quá đi! Mình không nhận ra cậu đó.  - HS nêu yêu cầu bài  - HS làm bài cá nhân vào vở.  Ví dụ: Nhà em nuôi một chú mèo rất đáng yêu. Chú tên là Misa. Chú có bộ lông đẹp tuyệt vời! Mỗi khi em đi học về, chú thường quấn quýt bên em.Em rất yêu quý chú.  - 1 vài em đọc bài viết, nêu câu cảm mình dùng.  - Nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………..

Tiếng việt (tăng)

**Ôn tập: Tả đồ vật**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách viết được đoạn văn về một đồ vật. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Biết sử dụng dấu câu phù hợp.

- Phát triển năng lực văn học: Viết đoạn văn có cảm xúc

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập, trao đổi với bạn, viết đoạn văn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng những điều đã học để viết được đoạn văn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đỏi với bạn về một đồ dùng và suy nghĩ những người làm ra đồ dùng ấy.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS biết yêu quý, giữ gìn và bảo quản đồ vật cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh minh họa (HĐ1)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  **-** GV tổ chức cho HS tham gia Trò chơi “Bán hàng”  - GV chuẩn bị một số đồ vật và trưng bày trên gian hàng đã bố trí ở lớp. Yêu cầu HS tham gia mua bán hàng  - GV nhận xét.  Chốt: Khi các em tham gia mua bán hàng, chúng ta cần lựa chọn mặt hàng để mua và trả giá. Khi tham gia mua sắm chúng ta cần phải mua sắm tiết kiệm, phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình.  - GV giới thiệu bài  **2. Luyện tập** | - HS nghe GV phổ biến luật chơi và tham gia chơi  - HS ghi tên bài |
| **HĐ1**. **Hoạt động luyện nói**  **Nói cho bạn nghe về một đồ vật**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - YC HS kể tên một số đồ vật mà các em biết?  - GV treo tranh một số đồ vật và yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi theo các gợi ý sau:  - GV mời các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, trao đổi.  - GV nhận xét, bổ sung.  + Khi tả đồ vật, ta cần chú ý những gì ?  *+ Chốt: Khi tả đồ vật các em cần quan sát thật kĩ đồ vật đó, nên tả bao quát toàn bộ đồ vật rồi tả những đặc điểm nổi bật của đồ vật, kết hợp thể hiện tình cảm với đồ vật được tả.*  **HĐ2. Viết đoạn văn**  **Đề bài**: **Dựa vào những điều vừa nói, hãy viết đoạn văn về một đồ vật mà em thích**  *-* HS đọc đề, xác định yêu cầu  - Yêu cầu HS dựa hoạt động nói để viết bài.  - Yêu cầu HS viết vào vở  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  \* Khuyến khích HS sử dụng một số từ ngữ gợi tả sinh động và biện pháp so sánh vào viết văn.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung cách diễn đạt, cách dùng từ....  - GV thu một số bài chấm và nhận xét.  **Bài văn tham khảo:**  Sinh nhật năm nay, bố tặng em một chiếc xe đạp nhỏ. Bên ngoài chiếc xe được sơn màu hồng. Phía trước có một chiếc giỏ nhỏ để đựng đồ. Các bộ phận như bàn đạp, yên xe, tay lái đều có màu đen. Xe có hai bánh xe hình tròn. Ở giữa bánh xe là các nan hoa bằng thép rất chắc chắn. Lốp xe bằng cao su bền và đẹp. Mỗi lần xe chuyển động, những bánh xe lăn quay đều quay đều trông thật vui mắt. Em rất thích chiếc xe đạp này.  **3. Vận dụng**  **-** GV mở bài hát “Cái quạt máy”.  + Cho HS lắng nghe bài hát.  + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS nêu: quạt, cặp, bút mực, tủ, ti vi, giường,...  - HS quan sát tranh, đọc gợi ý và thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, trao đổi thêm  - HS nêu  - HS xác định yêu cầu  - HS viết bài vào vở ôli.  - 1-3 HS đọc bài viết của mình trước lớp  - Các HS khác nhận xét  - HS lắng nghe bài hát.  - Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………..